

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH01074**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục thể chất**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989				10	8.0	10.0			8.0		8.5
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990				7	6.0	7.0			8.0		7.4
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984				7	5.0	10.0			8.0		7.8
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993				8	9.0	10.0			10.0		9.7
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999				9	9.0	8.0			9.0		8.8
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987				10	10.0	10.0			10.0		10.0
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991				9	9.0	8.0			9.0		8.8
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979				9	7.0	7.0			7.0		7.2
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971				5	7.0	5.0			7.0		6.5
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982				7	7.0	8.0			8.0		7.8
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992				8	5.0	10.0			9.0		8.4
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992				10	9.0	10.0			10.0		9.8
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992				10	8.0	9.0			10.0		9.5
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984				10	7.0	9.0			9.0		8.8
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988				8	7.0	5.0			9.0		8.0
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989				8	8.0	10.0			9.0		8.9
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993				8	7.0	10.0			10.0		9.4
18	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974				7	10.0	7.0			7.0		7.5
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989				8	5.0	9.0			7.0		7.1

Châu Đốc, ngày 13 tháng 9 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm